

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngân hàng, chứng khoán với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

CTD, VND

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị trải lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+-5).

16/05/2024

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,268.78	+1.15
VN30	1,308.27	+1.42
HĐTL VN30F1M	1,309.80	+1.84
HNXIndex	240.02	+0.52
HNX30	530.15	+1.10
UPCoM	92.70	+0.65
USD/VND	25,446	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.75	-1
Lãi suất qua đêm (%)	3.90	-20
Dầu (WTI, \$)	78.94	+0.39
Vàng (LME, \$)	2,386.61	+0.03



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,268.78 (+1.15%)  
**KLGD (triệu CP)** 808.8 (+15.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 891.9 (+2.5%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới tác động tích cực của các nhóm ngân hàng, chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng 6.3 tỷ đồng, tập trung tại MWG (-1.48%), VHM (+0.00%), NLG (+3.77%).

**HNXIndex** 240.02 (+0.52%)  
**KLGD (triệu CP)** 100.0 (-15.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 84.4 (+1.2%)

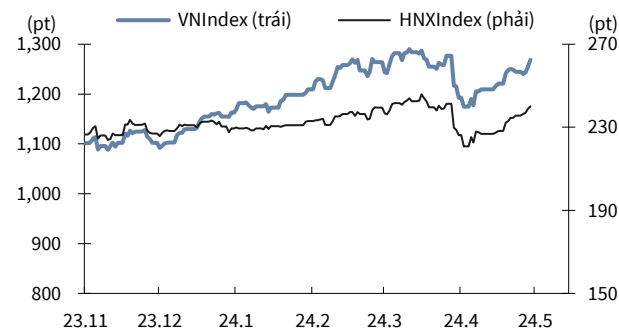
NHNN vừa công bố dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Cổ phiếu nhóm Ngân hàng tăng giá ở LPB (+6.80%), TCB (+3.74%).

**UPCoM** 92.70 (+0.65%)  
**KLGD (triệu CP)** 61.3 (+30.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 32.9 (+27.9%)

Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tháng 5 về gia hạn thời hạn nộp thuế, giảm lệ phí trước bạ ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước. Cổ phiếu nhóm Ô tô - Phụ tùng tăng giá ở HAX (+2.63%), CSM (+3.72%).

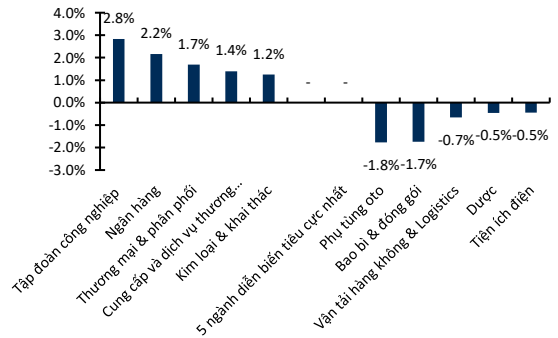
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +0.1

## VNIndex & HNXIndex



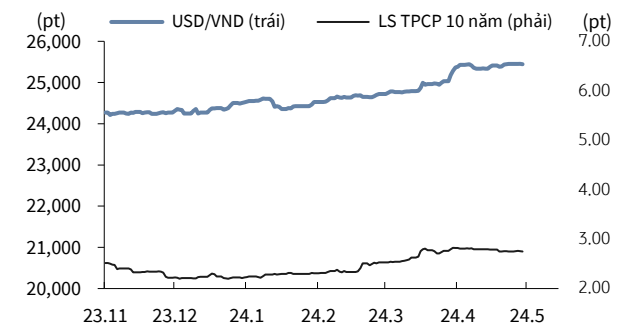
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



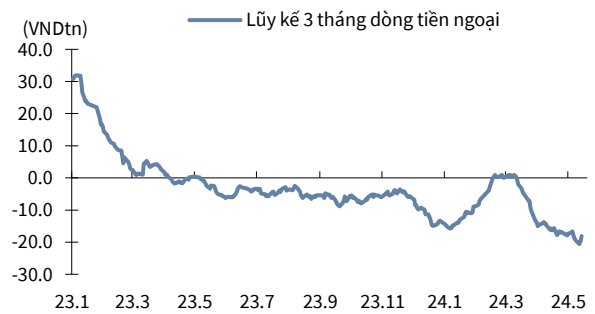
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

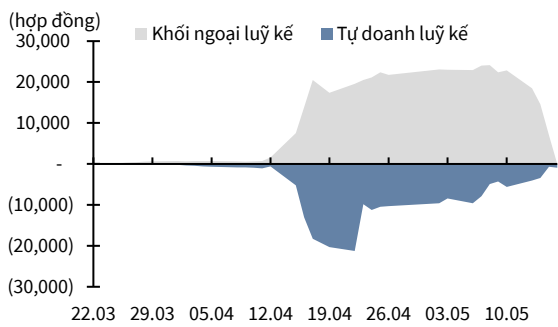
<b>VN30</b>	<b>1,308.27 (+1.42%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,309.8 (+1.84%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,295.8</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,311.1</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,294.0</b>

Các HĐTL tăng điểm cùng chiều với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2405 và VN30 mở cửa tại 5.19 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.03 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 1.53 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>223,647 (-0.3%)</b>
------------------	------------------------

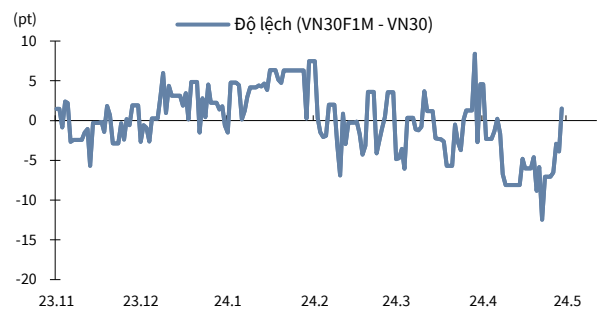
Khối ngoại bán ròng 7,027 HĐTL VN30F2405 và đang duy trì vị thế bán lũy kế 43 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 224 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 913 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



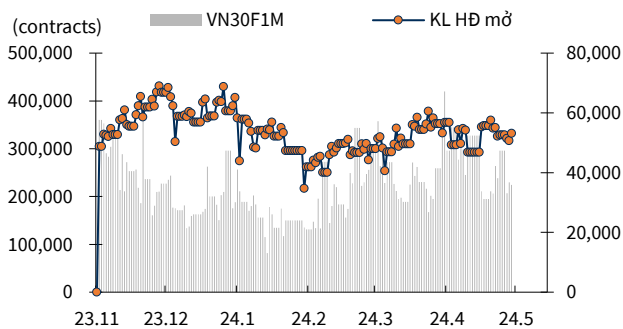
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



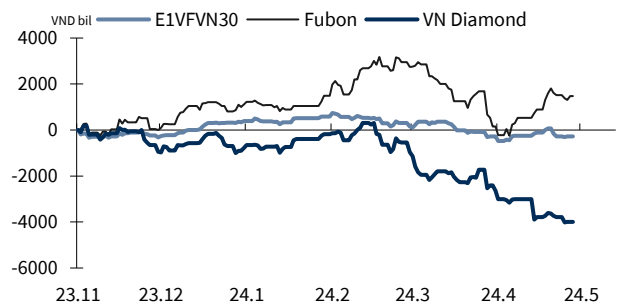
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

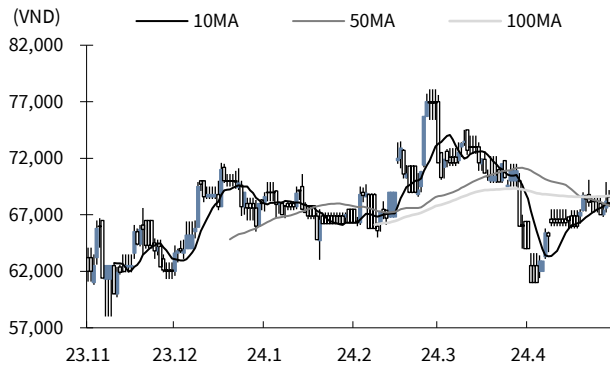
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

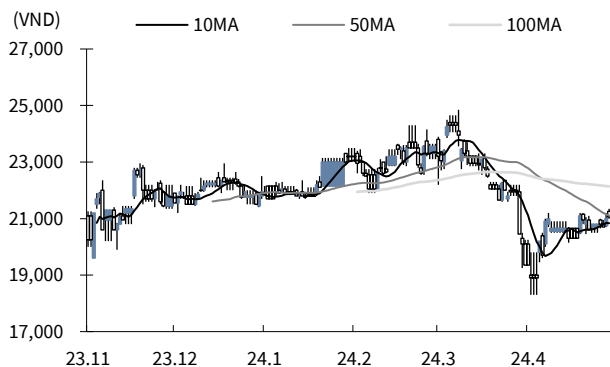
## CTCP Xây dựng Coteccons (CTD)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTD giảm 0.29% về 68,000 VND/cp
- CTCP Xây dựng Coteccons (CTD) đã công bố BCTC hợp nhất Quý 3 niên độ 2023-2024. Bên cạnh những chỉ số kinh doanh trong mảng cốt lõi là xây dựng, BCTC của Coteccons ghi nhận giá trị đột biến tại bất động sản đầu tư với hơn 329 tỷ đồng - cùng kỳ năm ngoái chỉ hơn 50 tỷ. Song song, BCTC quý 3 năm nay của Coteccons cũng xuất hiện 2 khoản tiền thuê đất (165 tỷ đồng và tiền đặt cọc mua căn hộ 224 tỷ đồng). Đây là khoản đầu tư của Covestcons (công ty con của Coteccons) tại dự án 230 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM. Được biết, trên các trang mạng, diễn đàn về bất động sản rất nhiều đơn vị môi giới đã đăng tải thông tin quảng bá về dự án chung cư cao cấp kết hợp văn phòng tọa lạc tại số 230 Nguyễn Trãi (phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Tp.HCM) có tên thương mại là Lancaster Legacy do Tập đoàn Trung Thủy phát triển.

## CTCP Chứng khoán VNDIRECT (VND)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VND tăng 0.24% lên 21,050 VND/cp
- Công bố thông tin trên HoSE, CTCP Chứng khoán VNDirect (mã VND) sẽ nhận chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Ẩm thực Mặt trời Vàng. Sau khi hoàn tất các thủ tục, công ty này sẽ trở thành công ty liên kết của VNDirect. Chi tiết thương vụ về số cổ phần mua, giá trị mua chưa được công bố. CTCP Ẩm thực Mặt trời Vàng (Goldsun Food) được chuyển đổi từ Redsun-ITI, hiện đang vận hành các chuỗi ẩm thực nổi tiếng như King BBQ, ThaiExpress, Seoul Garden, Capricciosa, Tasaki BBQ, Meiwei, Khao Lao... Sau khi chuyển nhượng toàn bộ cổ phần Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A cho CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A hồi cuối năm 2023, VNDirect chỉ còn một công ty liên kết là Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện, với tỷ lệ sở hữu 20%. Theo báo cáo tài chính quý 1/2024, khoản đầu tư có giá trị 836 tỷ đồng.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap bật tăng mạnh ngay từ đầu phiên, sau đó dần chững lại và vận động giằng co về cuối phiên.
- Bên cạnh tín hiệu cải thiện của thanh khoản, sự luân chuyển của dòng tiền sang nhóm cổ phiếu ngân hàng đang tạo thêm động lực tăng điểm mới cho chỉ số và vùng cản quanh 1260 (+-10) nhiều khả năng sẽ được chinh phục. Mặc dù áp lực điều chỉnh trở lại vẫn còn hiện hữu nhưng cơ hội duy trì xu hướng tăng, vượt vùng đỉnh 129x đang chiếm ưu thế.
- NĐT được khuyến nghị trải lệnh mua từng phần các vị thế trading khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ, gần là 124x và trong kịch bản điều chỉnh sâu hơn là quanh 1220 (+-5).

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1329 – 1333

Kháng cự gần: 1314 – 1317

Hỗ trợ gần: 1302 – 1305

Hỗ trợ xa: 1285 – 1288

- F1 mở gap bật tăng mạnh ngay từ đầu phiên, sau đó dần chững lại và vận động giằng co về cuối phiên
- Việc chỉ số hình thành mẫu nến “Marubozu” cho thấy phe Long đã thể hiện vị thế áp đảo hoàn toàn so với bên còn lại. Mặc dù nhịp tăng đang đưa trạng thái giao dịch trở nên tích cực hơn, rủi ro áp lực điều chỉnh gia tăng trở lại quanh vùng đỉnh ngắn hạn vẫn còn hiện hữu.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Mở Short quanh kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở Short quanh kháng cự. mở gap bật tăng mạnh ngay từ đầu phiên, sau đó dần chững lại và vận động giằng co về cuối phiên

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

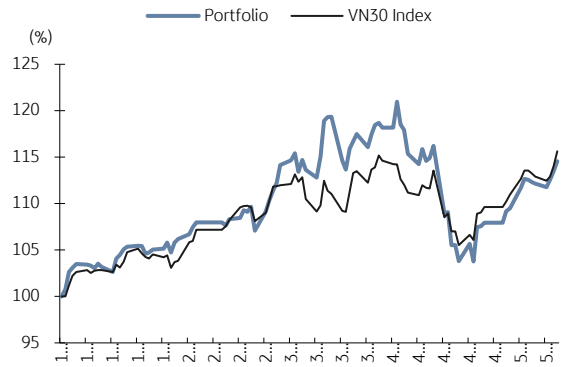
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Khoảng thời gian nắm giữ tiêu chuẩn là 3 tháng. Tuy nhiên danh mục được tái cơ cấu định kỳ vào tuần đầu mỗi tháng.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.42%	0.95%
Tăng lũy kế (YTD)	15.63%	14.54%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/05/2024	Daily return (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
FPT (FPT)	02/05/2024	135,400	1.0%	9.4%	- Các mảng kinh doanh như CNTT nước ngoài, giáo dục còn nhiều tiềm năng tăng trưởng - Kỳ vọng động lực tăng trưởng dài hạn khi xâm nhập vào mảng chip bán dẫn
PC1 Group (PC1)	01/04/2024	27,500	2.0%	-3.3%	- Quy hoạch điện VIII thúc đẩy mảng xây lắp điện và sản xuất công nghiệp - Doanh thu bán điện hồi phục khi chuyển pha Lanina trong 2H2024 - Triển vọng dài hạn ở mảng Khu công nghiệp
Vietcombank (VCB)	01/03/2024	92,600	1.8%	-5.7%	- Tín dụng tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - NIM kỳ vọng được duy trì ổn định nhờ chi phí vốn cải thiện - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Vietnam Rubber Group (GVR)	01/04/2024	32,550	-0.6%	-1.8%	- Mảng cao su của GVR dự kiến ghi nhận mức tăng trưởng từ sự phục hồi đến từ cả giá và lượng - Nam Tân Uyên 3 và Hiệp Thạnh 1 dự kiến bắt đầu cho thuê
Techcombank (TCB)	02/05/2024	49,900	3.7%	6.6%	- Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực hơn khi BĐS có dấu hiệu hồi phục - Ví mô cải thiện giảm bớt áp lực lên chất lượng tài sản - NIM dự kiến hồi phục nhẹ trong 2024
FPT Digital Retail (FRT)	02/05/2024	165,600	1.0%	2.9%	- Long Châu tiếp tục là động lực tăng trưởng trong dài hạn - Ngành hàng ICT có dấu hiệu tạo đáy
Vinamilk (VNM)	01/04/2024	67,200	0.3%	-0.6%	- Thị phần nội địa dự báo tiếp tục duy trì sau khi thay đổi bộ nhận diện - Biên lợi nhuận tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2024 - Thị trường nước ngoài diễn biến tích cực, tiếp đà tăng trưởng trong năm 2024
Kinh Bac Corp (KBC)	01/04/2024	30,500	0.8%	-12.5%	- Quý đất gối đầu liên tục đảm bảo tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn cho KBC - KBC dự kiến sẽ cho thuê được 107 ha đất KCN trong 2024
Dat Xanh Group (DXG)	01/04/2024	17,250	0.9%	-12.4%	- Dự kiến mở bán hai dự án Gem Sky World và Gem Riverside trong Quý 2,3/2024 - Bàn giao tại dự án Opal Skyline và Gem Skyworld hỗ trợ lợi nhuận 2024
Mobile World Corp (MWG)	02/05/2024	59,900	-1.5%	7.0%	- Chuỗi TGĐB và ĐMX trên đà hồi phục, kỳ vọng quay trở lại làm trụ cột lợi nhuận chính - Bách Hoá Xanh tăng trưởng ấn tượng, đạt mục tiêu hoà vốn, tiếp tục tối ưu trước khi mở rộng

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MWG	-1.5%	48.5%	211.0
NLG	3.8%	47.8%	111.6
STB	2.2%	23.3%	56.2
BID	2.1%	17.2%	46.6
TCB	3.7%	22.3%	43.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	0.0%	18.2%	-192.7
PVD	2.2%	18.4%	-104.6
MBB	2.2%	23.2%	-88.2
CTG	2.6%	27.2%	-72.5
TCH	-0.3%	4.9%	-47.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.2%	22.8%	42.5
PVS	4.6%	21.0%	21.4
MBS	0.3%	1.0%	11.1
DTD	3.4%	6.7%	2.5
TIG	2.1%	9.6%	2.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	2.9%	21.8%	-4.1
CEO	1.6%	5.1%	-4.1
VCS	-0.7%	2.3%	-3.4
BVS	-1.5%	7.4%	-2.8
LAS	-0.5%	3.3%	-2.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	9.5%	VSC, VOS, SKG, VTO
Nước	4.2%	BWE, TDM, SII, CLW
Công nghệ	4.1%	FPT, CMG, ELC
Kim loại & khai thác	3.8%	HPG, HSG, NKG, KSB
Tập đoàn công nghiệp	3.8%	REE, BCG, PET, EVG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-4.0%	PLX, PGC, CNG, GSP
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.0%	TNH, JVC, VMD
Cơ sở hạ tầng & vận tải	-0.6%	GMD, LGC, CII, HAH
Tiện ích điện	-0.6%	PGV, NT2, PPC, TTA
Vận tải hàng không & Logistics	-0.5%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ	21.6%	FPT, CMG, ELC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	19.4%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hàng hải	17.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Máy móc	15.6%	TCH, HHS, SRF, SHA
Đồ gia dụng	13.2%	TTF, GDT, EVE, SAV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-3.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.9%	TNH, JVC, VMD
Tiện ích khí	-0.2%	GAS, PGD, PMG
Dược	-0.1%	DHG, IMP, TRA, DBD
Quản lý & phát triển bất động sản	0.1%	VHM, VIC, NVL, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	103,391 (4.1)	22.5	38.0	-	14.7	2.7	-2.6	1.6	1.8	0.9	3.0	0.8	4.8
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	303,660 (12.0)	26.6	5.2	4.6	35.9	17.2	17.1	0.9	0.8	0.0	-1.7	-5.7	-6.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	158,262 (6.2)	17.8	12.2	10.7	-7.6	11.0	11.0	1.2	1.1	1.3	-0.9	2.0	-2.8
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	366,322 (14.4)	31.3	-	-	6.7	-3.7	-6.4	0.8	0.8	0.4	3.6	-9.5	-16.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	105,982 (4.2)	11.6	32.6	27.1	13.7	6.5	8.3	1.7	1.7	1.1	2.2	7.4	17.2
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	178,215 (7.0)	13.9	38.7	25.5	-	2.7	3.7	1.1	1.1	0.9	3.9	-2.3	-10.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	116,084 (4.6)	6.3	14.7	12.5	11.7	19.6	19.3	2.6	2.1	1.8	0.1	1.8	15.3
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	69,694 (2.7)	12.7	13.1	10.8	-5.3	18.8	18.8	2.0	1.7	2.1	0.2	-1.4	14.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	472,774 (18.6)	0.0	8.1	6.5	14.3	16.1	17.5	1.2	1.0	3.7	3.0	9.7	56.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	290,519 (11.4)	1.4	8.6	6.7	50.3	17.2	18.6	1.2	1.0	2.6	0.9	-2.5	22.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	239,616 (9.4)	0.0	10.8	8.3	18.8	9.9	11.8	1.1	1.0	1.8	3.5	3.5	1.0
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	424,469 (16.7)	0.0	5.7	4.8	14.6	22.1	22.1	1.1	1.0	2.2	3.3	-2.1	25.5
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	186,840 (7.4)	4.2	5.5	4.9	23.3	22.9	21.9	1.3	1.0	3.0	2.1	3.0	19.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	332,595 (13.1)	14.0	5.6	3.9	26.5	19.2	22.1	1.0	0.8	2.2	2.2	4.0	1.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	134,042 (5.3)	0.0	6.6	5.4	37.4	16.9	17.7	1.1	0.9	2.2	1.1	4.3	5.5
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	121,074 (4.8)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.8	0.0	5.0	-3.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	13,344 (0.5)	21.0	17.3	14.9	15.8	8.1	8.9	1.4	1.3	0.6	-0.4	3.7	3.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,289 (0.1)	14.2	9.7	8.7	9.1	12.5	12.6	1.0	0.9	0.4	-0.6	5.4	10.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	548,990 (21.6)	55.4	19.8	16.4	-3.2	12.2	12.5	1.9	1.9	0.4	2.6	2.6	10.1
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	268,966 (10.6)	71.9	30.0	22.3	-4.0	13.4	14.2	3.2	3.1	0.4	1.6	2.0	14.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,467	8,907 (387)	195,871 (7.7)	52.4	-	-	-19.0	10.2	-	-	-	1.0	3.5	7.1	23.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	243,039 (9.6)	27.2	18.1	13.6	36.3	10.7	11.8	1.7	1.6	0.2	2.2	4.7	-5.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	216,131 (8.5)	42.1	15.5	14.5	4.0	27.9	29.1	4.4	4.2	0.3	0.9	5.0	-0.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	49,669 (2.0)	36.9	17.4	16.2	7.3	17.6	18.3	3.0	2.9	-0.2	-0.2	4.9	-8.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	338,700 (13.3)	16.5	59.7	28.8	-51.9	7.2	10.9	3.7	3.9	0.3	1.4	9.5	8.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	6,962 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	2.0	6.6	-11.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	120,444 (4.7)	11.0	37.2	21.6	-88.5	12.5	17.6	-	-	0.2	-0.3	10.8	8.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	181,552 (7.1)	10.8	23.4	21.2	-57.0	13.7	14.2	2.8	2.6	1.7	0.1	7.7	19.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	78,668 (3.1)	38.4	-	-	65.7	-	-	-	-	0.0	2.1	1.5	-0.6
Công nghiệp (Tư bản)	CTR	VIETTEL CONSTRUC	55,596	6,360 (276)	63,152 (2.5)	48.0	30.9	25.5	26.2	28.5	30.6	7.3	6.1	-1.0	2.4	12.1	46.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	278,033 (10.9)	37.7	36.0	17.8	-14.4	5.9	7.3	1.6	1.6	0.2	3.9	7.9	-4.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	69,421 (2.7)	3.6	22.2	15.0	-52.4	3.1	4.6	0.7	0.7	-0.3	-0.1	3.0	-1.2
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	95,155 (3.7)	0.0	11.6	10.0	-4.5	12.0	12.5	1.4	1.3	3.0	3.9	13.6	20.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E	20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	64,137 (2.5)	46.1	15.6	14.5	-17.5	16.9	16.8	2.5	2.4	0.5	-0.3	-0.1	0.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	13,413 (0.5)	31.4	-	25.3	-10.5	4.4	8.1	1.6	1.6	2.5	1.6	3.9	-8.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	9,971 (0.4)	34.1	7.5	6.8	-5.1	16.4	17.5	-	-	1.2	6.9	25.0	10.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	641,248 (25.2)	18.0	14.2	10.2	21.9	12.1	15.2	1.6	1.4	1.3	3.8	11.5	13.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	63,847 (2.5)	36.5	18.2	16.1	-0.5	5.3	8.3	1.2	1.2	0.9	3.2	6.9	5.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	119,742 (4.7)	46.5	13.9	12.6	-4.5	14.3	15.3	1.9	1.8	2.5	8.5	17.2	14.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	156,083 (6.1)	38.9	16.0	11.8	67.9	8.7	12.9	1.2	1.1	1.4	5.4	3.6	-5.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	29,729 (1.2)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	4.2	12.1	17.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	45,753 (1.8)	4.6	15.0	14.0	-51.0	11.4	11.4	1.7	1.6	0.0	-5.0	6.3	10.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	152,135 (6.0)	39.9	18.6	12.1	-11.9	6.1	8.1	1.1	1.1	2.2	2.8	5.8	15.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,273	5,793 (252)	112,186 (4.4)	35.9	9.0	7.8	2.2	15.4	15.1	1.2	1.1	0.3	1.6	17.1	22.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	728,366 (28.7)	0.0	30.3	17.3	14.4	12.3	15.4	3.4	3.0	-1.5	1.7	20.0	40.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	145,342 (5.7)	0.0	15.1	13.0	2.4	21.2	21.1	2.9	2.5	0.5	0.7	1.4	13.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	8,988 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-2.7	-0.4	-21.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	127,823 (5.0)	30.3	103.4	39.3	-75.2	19.2	24.6	12.0	9.4	1.0	-0.8	17.4	54.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	23,085 (0.9)	34.6	19.4	14.7	41.2	13.8	18.0	2.4	2.3	0.7	3.6	8.9	22.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,699 (0.1)	45.4	15.2	14.8	10.7	20.3	20.5	-	-	-0.7	1.8	0.9	11.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	446,321 (17.6)	0.0	21.9	17.8	15.5	29.0	29.1	4.9	4.1	1.0	3.9	19.8	40.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

#### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.